TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 5 - 2020
V/v: Ly hôn giữa
chị B và anh C.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Hợp;

Bà Nguyễn Thị Thu Phương.

- ***Thư ký phiên toà:*** ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:*** Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST – HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: số 468, N, phường 8, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Lương Văn C, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; hiện đang cư trú tại Xóm X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: chị B và anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn C kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 12/12/2003. Do bất đồng lối sống, khó khăn về kinh tế nên vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Hai bên gia đình tập trung khuyên bảo nhưng vợ chồng không hòa hợp được. Chị đã vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn từ 2012 đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn anh C. Do điều kiện công việc làm ăn, đường xá xa xôi chị không về tham gia phiên tòa được nên đề nghị xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lương Thành C sinh ngày 18/7/2006 và Lương Quốc T sinh ngày 08/01/2010, hiện các con đang ở với anh C. Khi ly hôn, chị đề nghị để anh C nuôi cả hai con, chị không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con vì không có công việc ổn định. Khi có điều kiện chị sẽ hỗ trợ cùng anh C nuôi con sau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lương Văn C mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Mẹ đẻ anh là bà Phạm Thị V xác nhận chị B và anh C kết hôn tự nguyện tại UBND xã X, sau khi cưới anh chị mâu thuẫn do bất đồng lối sống. Năm 2012 chị bỏ đi nơi khác làm ăn không quan tâm đến chồng con nữa. Gia đình mong chị về nuôi con cùng anh C nhưng chị không quay về. Nay chị xin ly hôn anh C đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật. Chị B và anh C đã có 2 con chung như chị đã khai. Các cháu đang ở với anh C và bà. Nếu anh chị ly hôn bà và anh C sẽ nuôi 2 cháu không cần chị B góp tiền nuôi con. Về tài sản công nợ chung anh C và chị B không có gì. Các lần Tòa triệu tập anh C bà đều báo cho anh C biết nhưng do mải làm ăn nên anh không đến Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đều đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị B với anh Lương Văn C; đề nghị giao 02 con chung chưa thành niên là Lương Thành C sinh ngày 18/7/2006 và Lương Quốc T sinh ngày 08/01/2010 cho anh C nuôi dưỡng. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C. Chị B có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lương Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh C theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị B và anh Lương Văn C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X nên là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm và chị đã bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh làm ăn từ năm 2012 đến nay không quan tâm đến anh và con. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C.

[3]. Về con chung: Chị Phạm Thị B và anh Lương Văn C có hai con chung là Lương Thành C sinh ngày 18/7/2006 và Lương Quốc T sinh ngày 08/01/2010, hiện các con đang ở với anh C. Khi ly hôn, chị đề nghị để anh C nuôi cả hai con, chị không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con vì không có công việc ổn định. Khi có điều kiện chị sẽ hỗ trợ cùng anh C nuôi con sau. Các con đều đề nghị ở với anh C do đó sẽ giao cả hai con cho anh C nuôi nhưng chị B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 1 triệu đồng mỗi tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị B được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị B phải nộp án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Lương Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Lương Thành C sinh ngày 18/7/2006 và Lương Quốc T sinh ngày 08/01/2010cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc chị B cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C mỗi con mỗi tháng là

1.500.000 đồng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị B được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị B phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001709 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị B và anh Lương Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh